

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
ĐÔNG DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1.2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỒNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C, Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019		01/01/2019	
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>106,558,834,320</b>		<b>104,478,833,785</b>	
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>106,447,295,224</b>		<b>104,478,833,785</b>	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	6,545,434,354		2,393,344,426	
1.1 Tiền	111.1		6,545,434,354		2,393,344,426	
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-		-	
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	V.2a	35,165,700		32,681,140	
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.2b	98,478,253,424		98,478,253,424	
4 Các khoản phải thu	117		1,297,534,246		3,574,554,795	
4.2 Phải thu và dự thu cô tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.3b	1,297,534,246		3,574,554,795	
4.2.1. Dự thu cô tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		1,297,534,246		3,574,554,795	
5 Trả trước cho người bán	118		90,907,500		-	
6. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.3c	-		-	
7. Các khoản phải thu khác	122	V.3d	-		-	
8. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.4	-		-	
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>111,539,096</b>		<b>-</b>	
1. Tạm ứng	131	V.5	-		-	
2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-		-	
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		111,539,096		-	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b>	<b>200</b>		<b>28,838,333</b>		<b>-</b>	
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>		<b>-</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-		-	
- Nguyên giá	222		-		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		-		-	
- Đánh giá TSCĐHH theo giá trị hợp lý	223b		-		-	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
- Nguyên giá	225		-		-	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226a		-		-	
- Đánh giá TSCĐTTC theo giá trị hợp lý	226b		-		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-		-	
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>28,838,333</b>		<b>-</b>	
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		-		-	
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		28,838,333		-	
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-		-	
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254		-		-	
5. Tài sản dài hạn khác	255		-		-	
<b>VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>	<b>260</b>		<b>-</b>		<b>-</b>	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>106,587,672,654</b>		<b>104,478,833,785</b>	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 3, Số 2B-2C, Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/3/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>299,377,369</b>	<b>16,311,769</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>299,377,369</b>	<b>16,311,769</b>
1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.9	-	
3. Phải trả người lao động	323		120,000,000	
4. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	V.10	2,561,769	2,561,769
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.11	176,815,600	13,750,000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		-	
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>			
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>106,288,295,285</b>	<b>104,462,522,016</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>106,288,295,285</b>	<b>104,462,522,016</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.12	106,288,295,285	104,462,522,016
1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		155,000,000,000	155,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1		155,000,000,000	155,000,000,000
2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	417	V.13	(48,711,704,715)	(50,537,477,984)
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)	417.1		(48,725,896,358)	(50,549,185,067)
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		14,191,643	11,707,083
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>106,587,672,654</b>	<b>104,478,833,785</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
Nợ kho đòi đã xử lý	004	V.14	16,958,809,906	16,958,809,906



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019

NGUYỄN NGÔ THỊ THU PHƯƠNG  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM THỊ VÂN  
Trưởng phòng kế toán

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 3, Số 2B-2C, Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q1.2019	Q1.2018
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		4,536,348	
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính PVTPL</i>	01.1		-	-
<i>a. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	VI.1	4,536,348	
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính PVTPL</i>	01.3	VI.2		
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.2	2,122,431,506	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -&gt; 11)</b>	<b>20</b>		<b>2,126,967,854</b>	-
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		2,051,788	
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	VI.1	2,051,788	
2.2. Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -&gt; 33)</b>	<b>40</b>		<b>2,051,788</b>	-
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong kỳ	42	VI.3	11,101,200	66,914
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -&gt; 44)</b>	<b>50</b>		<b>11,101,200</b>	<b>66,914</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -&gt; 55)</b>	<b>60</b>		-	-
<b>V. CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>	<b>61</b>		-	-
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	VI.4	<b>310,243,997</b>	<b>194,854,893</b>
<b>VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>1,825,773,269</b>	<b>(194,787,979)</b>
<b>VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Chi phí khác	72	VI.5		
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)</b>	<b>80</b>		-	-
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>1,825,773,269</b>	<b>(194,787,979)</b>
9.1. Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện	91		1,823,288,709	
9.2. Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện	92		2,484,560	
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		-	-
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>1,825,773,269</b>	<b>(194,787,979)</b>
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	<b>300</b>			
<b>XIII THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	<b>500</b>			
13.1 Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.7a	118	(15.58)
13.2 Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.7b	118	(15.58)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019



NGUYỄN NGỌC THỊ THU PHƯƠNG  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

PHẠM THỊ VÂN  
Trưởng phòng kế toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 3, Số 2B-2C, Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU B03a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Q1.2019	Q1.2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		-	(665,560,050)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02			852,149,050
3. Tiền lãi đã thu	05		11,101,200	66,914
4. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		-	
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		4,399,452,055	
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(258,463,327)	(180,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>4,152,089,928</i>	<i>186,475,914</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<b>IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>4,152,089,928</b>	<b>186,475,914</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2,393,344,426</b>	<b>55,236,792</b>
Tiền	61		2,393,344,426	55,236,792
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>VI.1</b>		<b>6,545,434,354</b>	<b>241,712,706</b>
Tiền	71		6,545,434,354	241,712,706

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 4 năm 2019



NGUYỄN NGỌ THỊ THU PHƯƠNG  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHẠM THỊ VÂN  
 Trưởng phòng kế toán

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU B 09 -CTCK

### I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Dương (tên giao dịch là Dong Duong Securities Incorporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh chứng khoán số 60/UBVK-GP ngày 18 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

- **Vốn pháp định** : 50.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 155.000.000.000 VND

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-08) 3933 3273

Fax : (84-08) 3933 3275

Mã số thuế : 0 3 0 5 1 9 1 6 5 5

#### 2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Công ty đã rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán vào đầu năm 2012 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chuẩn y thông qua Quyết định số 103/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 7 năm 2012.

#### 3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Hội đồng Quản trị có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục “Chi phí hoạt động”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

#### 5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	5
Thiết bị văn phòng	3 - 10
TSCĐ khác	3 - 8

#### 6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán... là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu.

#### *Chi phí hoạt động tự doanh*

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

#### **11. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

#### **12. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **13. Lãi trên cổ phiếu**

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐỒNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### Bảng tổng hợp tình hình biến động tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường

	31/03/2019				01/01/2019				
	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ trước	Chênh lệch đánh giá	
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm				Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Cổ phiếu niêm yết	20.974.057	35.165.700	22.838.007	8.646.364	35.165.700	20.974.057	18.301.659	6.594.576	32.681.140
<b>Cộng</b>	<b>20.974.057</b>	<b>35.165.700</b>	<b>22.838.007</b>	<b>8.646.364</b>	<b>35.165.700</b>	<b>20.974.057</b>	<b>18.301.659</b>	<b>6.594.576</b>	<b>32.681.140</b>

Bảng chi tiết tình hình biến động tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ theo giá thị trường (xem Phụ lục số 01)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phí kiểm toán	13.750.000	13.750.000
Phải trả tiền thuê văn phòng	163.065.600	
<b>Cộng</b>	<b>176.815.600</b>	<b>13.750.000</b>

**6. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, vốn điều lệ của Công ty là 155.000.000.000 VND đã được các cổ đông góp vốn đầy đủ.

**Cổ phiếu**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.500.000	15.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.500.000	15.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.500.000</i>	<i>15.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.500.000	15.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.500.000</i>	<i>15.500.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

**7. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(50,537,477,984)	(48.747.479.058)
	1.823.288.709	
Lỗ đã thực hiện trong năm		(1.783.686.956)
Lãi chưa thực hiện trong năm	<u>2.484.560</u>	<u>(6.311.970)</u>
<b>Lỗ lũy kế cuối năm</b>	<b><u>(48.711.704.715)</u></b>	<b><u>(50.537.477.984)</u></b>

**8. Chỉ tiêu mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính****Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	<b>5.886.534.000</b>	<b>5.886.534.000</b>
Anh Dương	1.208.390.000	1.208.390.000
Anh Hữu	40.000.000	40.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị tính: VND

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán	Giá trị hợp lý	Giá trị trường hoặc hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này	Chênh lệch đánh giá lại kỳ trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
	Cổ phiếu niêm yết	20.974.057	35.165.700	14.191.643	11.707.083	2.484.560	4.536.348	2.051.788	-
	<b>Cộng</b>	<b>20.974.057</b>	<b>35.165.700</b>	<b>14.191.643</b>	<b>11.707.083</b>	<b>2.484.560</b>	<b>4.536.348</b>	<b>2.051.788</b>	<b>2.051.788</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu**

	Q1.2019	Q1.2018
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.825.773.269	(194.787.979)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.825.773.269	(194.787.979)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.500.000	12.500.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>118</u>	<u>(15,58)</u>

**b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu**

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.825.773.269	(194.787.979)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	1.825.773.269	(194.787.979)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	15.500.000	12.500.000
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	<u>118</u>	<u>(15,58)</u>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ với các bên liên quan*****Giao dịch với các bên liên quan***

Trong kỳ, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan.

**2. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 3, Số 2B-2C Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2019

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị thị trường của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty không đáng kể (35.165.700VND), do đó rủi ro về giá cổ phiếu của Công ty là rất nhỏ.

#### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu đối với các khoản phải thu.

#### *Phải thu khách hàng và phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán*

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Hội đồng Quản trị.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Các hoạt động cảnh báo nguy cơ giảm tiền ký quỹ của khách hàng được thực hiện đúng hạn và tuân thủ theo đúng bản chất của sản phẩm giao dịch ký quỹ.

#### *Các khoản phải thu khác*

Các khoản phải thu khác của Công ty trong kỳ không còn dư nợ nên Công ty không có rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu khác.

#### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/03/2019				

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÔNG DƯƠNG**  
Tầng 3, Số 2B-2C, Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019  
**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Phụ lục số 01

**BẢNG CHI TIẾT TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/ LỖ THEO GIÁ THỊ TRƯỜNG  
TẠI NGÀY 31 THÁNG 3 NĂM 2019**

Chứng khoán niêm yết	31/03/2019						01/01/2019					
	Giá trị trường hoặc giá trị kỳ này		Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị trường hoặc giá trị kỳ trước		Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	
	Giá mua	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng			Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			
CKNY-CSM	20,974,057	35,165,700	22,838,007	8,646,364	35,165,700	20,974,057	32,681,140	18,301,659	6,594,576	32,681,140		
CKNY-HAG	320,460	530,250	209,790	-	530,250	320,460	514,500	194,040	-	514,500		
CKNY-ABT	121,768	11,180	-	110,588	11,180	121,768	9,760	-	112,008	9,760		
CKNY-ACB	198,739	160,000	-	38,739	160,000	198,739	160,800	-	37,939	160,800		
CKNY-ACL	-	108,900	60,300	-	108,900	-	90,000	41,400	-	90,000		
CKNY-APC	48,600	285,750	167,900	-	285,750	48,600	282,150	164,300	-	282,150		
CKNY-ASP	117,850	31,500	-	28,440	31,500	117,850	31,000	-	28,940	31,000		
CKNY-BBC	59,940	510,400	421,600	-	510,400	59,940	557,600	468,800	-	557,600		
CKNY-BMC	88,800	126,900	-	440,100	126,900	88,800	121,500	-	445,500	121,500		
CKNY-BVH	567,000	864,000	283,500	-	864,000	567,000	801,000	220,500	-	801,000		
CKNY-BVS	580,500	-	-	-	-	580,500	-	-	-	-		
CKNY-CAD	13,200	1,000	-	12,200	1,000	13,200	1,200	-	12,000	1,200		
CKNY-CLC	35,700	146,000	110,300	-	146,000	35,700	136,000	100,300	-	136,000		
CKNY-CTG	122,800	135,300	12,500	-	135,300	122,800	115,800	-	7,000	115,800		
CKNY-CVT	953,500	4,058,700	3,105,200	-	4,058,700	953,500	3,113,300	2,159,800	-	3,113,300		
CKNY-DAG	21,000	22,380	1,380	-	22,380	21,000	19,800	-	1,200	19,800		
CKNY-DHA	21,000	243,950	189,350	-	243,950	21,000	211,400	156,800	-	211,400		
CKNY-DHC	54,600	280,000	190,700	-	280,000	54,600	240,000	150,700	-	240,000		
CKNY-DHG	89,300	828,100	827,357	-	828,100	89,300	553,000	552,257	-	553,000		
CKNY-DQC	743	156,600	105,100	-	156,600	743	166,200	114,700	-	166,200		
CKNY-DTI	51,500	130,650	23,791	-	130,650	51,500	115,570	8,711	-	115,570		
CKNY-EIB	106,859	457,600	93,150	-	457,600	106,859	365,300	850	-	365,300		
CKNY-EPT	364,450	1,193,400	617,236	-	1,193,400	364,450	1,097,200	521,036	-	1,097,200		
CKNY-GIL	576,164	338,400	162,350	-	338,400	576,164	297,000	120,950	-	297,000		
CKNY-GMD	176,050	185,500	38,400	-	185,500	176,050	183,050	35,950	-	183,050		
CKNY-HAS	147,100	67,900	-	13,370	67,900	147,100	70,000	-	11,270	70,000		
CKNY-HAX	81,270	303,300	261,700	-	303,300	81,270	282,600	241,000	-	282,600		
CKNY-HBC	41,600	37,800	-	86,714	37,800	41,600	416,400	291,886	-	416,400		
CKNY-HBS	124,514	-	-	-	-	124,514	-	-	-	-		
CKNY-HDC	558,100	316,000	-	242,100	316,000	558,100	392,000	166,100	-	392,000		
CKNY-HIS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
CKNY-HPC	279,000	-	-	279,000	-	279,000	-	-	279,000	-		

Đơn vị tính: VND

31/03/2019

01/01/2019

	31/03/2019			01/01/2019				
	Giá trị trường hoặc giá trị kỳ nay	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá trị trường hoặc giá trị kỳ trước	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
CKNY-SD2	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-SD6	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-SD9	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-SDA	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-SDD	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-SDG	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-SFC	124,200	13,200	-	137,400	124,200	25,800	-	150,000
CKNY-SGC	-	637,200	-	637,200	-	-	-	-
CKNY-SGT	125,940	-	83,540	42,400	125,940	-	80,340	45,600
CKNY-SHB	-	60,800	-	60,800	-	-	-	-
CKNY-SJS	249,750	115,000	134,750	115,000	249,750	-	155,250	94,500
CKNY-SMC	93,030	81,000	12,030	81,000	93,030	12,320	-	105,350
CKNY-ST8	154,320	123,200	31,120	123,200	154,320	54,680	-	209,000
CKNY-STB	1,619,397	134,200	1,485,197	134,200	1,619,397	436,003	-	2,055,400
CKNY-STP	455,000	1,238,400	783,400	1,238,400	455,000	-	6,500	448,500
CKNY-TCM	45,900	2,015,000	1,969,100	2,015,000	45,900	69,100	-	115,000
CKNY-TCR	93,660	9,400	84,260	9,400	93,660	-	65,100	28,560
CKNY-TIG	-	30,000	-	30,000	-	-	-	-
CKNY-TKC	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-TLH	46,500	27,350	19,150	27,350	46,500	-	18,550	27,950
CKNY-TMC	-	70,500	-	70,500	-	-	-	-
CKNY-TNA	93,420	41,700	51,720	41,700	93,420	-	14,320	79,100
CKNY-TNG	-	158,900	-	158,900	-	-	-	-
CKNY-TS4	136,800	75,010	61,790	75,010	136,800	-	45,150	91,650
CKNY-TTF	31,500	47,580	-	47,580	31,500	-	12,000	19,500
CKNY-TV4	-	99,000	-	99,000	-	-	-	-
CKNY-TYA	34,800	75,000	-	75,000	34,800	29,400	-	64,200
CKNY-UNI	-	49,800	-	49,800	-	-	-	-
CKNY-VC2	-	-	-	-	-	-	-	-
CKNY-VCB	1,047,560	2,037,000	-	2,037,000	1,047,560	2,697,440	-	3,745,000
CKNY-VCG	2,399,988	2,079,000	320,988	2,079,000	2,399,988	1,645,412	-	4,045,400
CKNY-VDS	61,200	1,376,510	-	1,376,510	61,200	97,830	-	159,030
CKNY-VIC	218,000	2,211,600	-	2,211,600	218,000	1,497,400	-	1,715,400
CKNY-VIT	19,500	103,320	-	103,320	19,500	12,350	-	31,850
CKNY-VND	290,400	84,500	205,900	84,500	290,400	316,400	-	606,800
CKNY-VPK	19,800	118,400	-	118,400	19,800	-	10,680	9,120
CKNY-VPL	245,000	-	245,000	-	245,000	-	245,000	-
CKNY-VSP	1,877,400	4,400	1,873,000	4,400	1,877,400	-	1,800,400	77,000
CKNY-VST	16,200	49,000	-	49,000	16,200	-	13,400	2,800

